TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/01/2023
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mã Thị Huệ.

2. Ông Nguyễn Văn Khoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXHNGĐ - ST ngày 23/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Ngọc N, sinh năm 198x;

Nơi cư trú: Xóm N, thị trấn L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

2. Bị Đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 198x;

Nơi cư trú: Xóm N, thị trấn L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/9/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị N trình bày: Chị và anh H tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên ngày 16/3/201x. Việc đăng ký do hai vợ chồng tự nguyện tiến hành. Sau kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau, nhưng càng về sau vợ chồng càng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không được hòa hợp, hay xảy ra cãi vã, anh H

thường xuyên uống rượu có những lời nói và hành động làm ảnh hưởng đến gia đình khi sống chung. Vì vậy hai người đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng có một con chung tên là Trần Tuấn K, sinh ngày 26/11/201x. Hiện nay cháu đang sống cùng chị N. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Hiện nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, anh H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt không có lý do. Đồng thời cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không cung cấp tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án và công bố lời khai của người vắng mặt tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Toà án là vi phạm khoản 15,16 Điều 70 BLTTDS. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Ngọc N được ly hôn anh Trần Văn H;

- Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H. Các bên có quyền thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn và quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn Trần Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Xóm N, thị trấn L, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng:* Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng và niêm yết tại UBND thị trấn L, nhưng hai lần bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện

bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Đặng Ngọc N yêu cầu ly hôn anh Trần Văn H, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tung dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Ngọc N và anh Trần Văn H tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 16/3/201x tại UBND xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị N và anh H là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 26/11/201x, hiện nay cháu đang sống cùng chị N. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, khi uống rượu vào anh H không làm chủ được bản thân, có biểu hiện ảo tưởng những gì không có thật. Xác minh tại địa phương thấy rằng giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn, chị N đã không sống cùng anh H từ 1 - 2 năm nay. Khi uống rượu vào anh H có biểu hiện hoang tưởng, tự thấy các loài vật không có thật và lo sợ. Có lần hàng xóm thấy anh H cầm dao và nói "Có người đuổi theo đến tầng 5 vẫn đuổi kịp". Hội đồng xét xử thấy rằng nếu bác đơn buộc hai mẹ con chị N quay lại đoàn tụ có thể tiềm ẩn nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của mẹ con chị N những lúc anh H uống rượu. Mặt khác quá trình tham gia tố tụng bị đơn cố tình trốn tránh không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Giữa chị N và anh H có một con chung tên là Trần Tuấn K, sinh ngày 26/11/201x, hiện nay cháu đang sống cùng chị N. Xét thấy cháu K đã sống với chị N từ nhỏ, chị N là giáo viên có công việc thu nhập ổn định, có đủ điều kiện đảm bảo cho con phát triển về mọi mặt. Tại bản tự khai thì cháu K cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Mặt khác anh H cố tình trốn tránh, từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, chưa có thỏa thuận về vấn đề con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu K cho chị N chăm sóc, giáo dục là có căn cứ. Về vấn đề cấp dưỡng do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn cố tình trốn tránh không hợp tác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Ngọc N được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 26/11/201x cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn cố tình trốn tránh không hợp tác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Tân Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

đã ký

Nông Văn Tùng